

**Danh sách thông báo dự thảo các quy định về SPS của các nước thành viên
Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong tháng 4 năm 2021**

A. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐANG XIN Ý KIẾN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề	Tóm tắt
1	G/SPS/N/NZL/646	Niu-Di-Lân	01/4/2021	Đề xuất mới về tiêu chuẩn y tế nhập khẩu: Mẫu nghiên cứu (không bao gồm mẫu động vật và mẫu cơ thể người)	<p>Niu-Di-Lân đã đưa ra dự thảo Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu cho việc nhập khẩu các mẫu nghiên cứu bao gồm chất hữu cơ (không bao gồm chất lấy từ động vật và con người), chất vô cơ và nước, hiện đã có sẵn để tham khảo ý kiến.</p> <p>Một loạt các mẫu nghiên cứu thường xuyên được nhập khẩu vào Niu-Di-Lân. Hiện tại, các yêu cầu nhập khẩu đối với các mẫu nghiên cứu được quy định trong tám tiêu chuẩn y tế nhập khẩu khác nhau. Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu mới được đề xuất tập trung tất cả các yêu cầu đối với các mẫu nghiên cứu, hợp lý hóa việc nhập khẩu các mẫu này.</p> <p>Khi Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu đề xuất này được ban hành, các tiêu chuẩn y tế nhập khẩu khác sẽ được sửa đổi để loại bỏ các yêu cầu về mẫu nghiên cứu.</p>
2	G/SPS/N/KOR/711	Hàn Quốc	01/4/2021	Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho phụ gia thực phẩm.	<p>Đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm".</p> <p>1) Chất tạo hương bao gồm các chất tạo hương tổng hợp và các chất tạo hương tự nhiên mới được tạo thành và các nguyên liệu dùng để pha loãng, hòa tan v.v.. của các chất tạo hương được bổ sung.</p> <p>2) Danh sách các chất tạo hương tổng hợp và các</p>

					<p>chất tạo hương tự nhiên được sửa đổi: (chất điều vị tổng hợp) 86 hợp chất được thêm mới, và sửa từ đồng nghĩa của 7 hợp chất; (nguồn gốc của các chất tạo hương tự nhiên) 2 nguồn gốc được bổ sung mới, 4 nguồn gốc bị xóa và 3 tên chung được sửa lại.</p> <p>3) Các tiêu chuẩn về việc sử dụng 16 phụ gia thực phẩm sau đây được sửa đổi: Allura đỏ AC, allura đỏ hồ nhôm AC, amaranth, amaranth nhôm hồ, brilliant blue FCF, brilliant blue FCF alrythrosine, fast green FCF, fast green lake, indigocarmine, indigocarmine alumini lake, ponceau 4R, sunset yellow FCF , Hồ nhôm FCF màu vàng hoàng hôn, tartrazine, hồ nhôm tartrazine.</p> <p>4) Các phương pháp phân tích đối với 2 phụ gia thực phẩm sau đây và 1 phương pháp thử chung được sửa đổi: (phụ gia thực phẩm) glycerin, L-leucine; (các phương pháp kiểm tra chung) Điểm hấp dẫn.</p> <p>5) Định nghĩa của 4 chất phụ gia thực phẩm như được đề cập dưới đây được sửa đổi để dễ dàng cung cấp thông tin: Glycerin este của axit béo, màu quả mọng, tinh bột thực phẩm đã biến tính, nhựa gia vị</p>
3	G/SPS/N/KOR/710	Hàn Quốc	01/4/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về Kiểm soát An toàn Thực phẩm nhập khẩu"	Chính phủ Hàn Quốc sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về Kiểm soát An toàn Thực phẩm nhập khẩu"
4	G/SPS/N/JPN/841	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo	Mức dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - phụ gia thức ăn chăn nuôi: dibutylhydroxytoluene.

				Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	- Thịt và nội tạng ăn được (Mã HS: 02.01, 02.02, 02.03, 02.04, 02.05, 02.06, 02.07, 02.08 và 02.09) - Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống thủy sinh khác (Mã HS: 03.02, 03.03, 03.04 và 03.06) - Sản phẩm từ sữa và trứng gia cầm (mã HS: 04.01, 04.07 và 04.08) - sản phẩm có nguồn gốc động vật (Mã HS: 05.04) - Dầu mỡ động vật (mã HS: 15.01, 15.02 và 15.06)
5	G/SPS/N/JPN/840	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - thuốc thú y: Trenbolone acetate.
6	G/SPS/N/JPN/839	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - thuốc trừ sâu: Validamycin
7	G/SPS/N/JPN/838	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - thuốc trừ sâu: Prochloraz
8	G/SPS/N/JPN/837	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - Thuốc trừ sâu: 1-methylcyclopropene: - Sử dụng cho rau và một số loại củ, củ ăn được

				(sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	(mã HS: 07.01 và 07.10) - Quả và hạt ăn được (mã HS: 08.03, 08.08, 08.09, 08.10 và 08.11)
9	G/SPS/N/JPN/836	Nhật Bản	01/4/2021	S Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - Thuốc trừ sâu: Kasugamycin: - Sử dụng cho rau và một số loại củ, củ ăn được (mã HS: 07.01, 07.02, 07.03, 07.04, 07.05, 07.06, 07.07, 07.08, 07.09, 07.10 và 07.13) - Quả, hạt và vỏ của quả có múi (mã HS: 08.02, 08.04, 08.05, 08.07, 08.08, 08.09, 08.10, 08.11 và 08.14) - Chè, chè và gia vị (mã HS: 09.02, 09.03, 09.04, 09.05, 09.06, 09.07, 09.08, 09.09 và 09.10) - Ngũ cốc (mã HS: 10.06) - Hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc khác, hạt và quả (mã HS: 12.01, 12.07 và 12.12)
10	G/SPS/N/JPN/835	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - Thuốc trừ sâu: Fenprothrin: - Sử dụng cho thịt và nội tạng của thịt ăn được (mã HS: 02.01, 02.02, 02.03, 02.04, 02.05, 02.06, 02.07, 02.08 và 02.09) - Sản phẩm khô và trứng chim (mã HS: 04.01, 04.07 và 04.08) - Sản phẩm có nguồn gốc động vật (HS Mã số: 05.04) - Rau và một số loại củ, củ ăn được (mã HS: 07.01, 07.02, 07.04, 07.07, 07.09, 07.10 và 07.13) - Quả, hạt và vỏ của quả có múi (mã HS: 08.01, 08.02, 08.03, 08.04, 08.05, 08.06, 08.07, 08.08,

					08.09, 08.10, 08.11 và 08.14) - Cà phê, chè và gia vị (mã HS: 09.01, 09.02, 09.04, 09.05, 09.06, 09.07, 09.08, 09.09 và 09.10) - Hạt có dầu và trái cây có dầu, ngũ cốc, hạt và trái cây có dầu (mã HS: 12.01, 12.02, 12.07 và 12.10) - Dầu và mỡ động vật (Mã HS: 15.01, 15.02 và 15.06)
11	G/SPS/N/JPN/834	Nhật Bản	01/4/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau - Thuốc trừ sâu: Chloropicrin Sản phẩm: - Rau và một số loại củ, củ ăn được (mã HS: 07.01, 07.02, 07.03, 07.04, 07.05, 07.06, 07.07, 07.08, 07.09, 07.10, 07.13 và 07.14) - Vỏ và quả ăn được của cây có múi (mã HS: 08.07, 08.08, 08.10, 08.11 và 08.14) - Mate và gia vị (mã HS: 09.03, 09.04, 09.05, 09.06, 09.07, 09.08, 09.09 và 09.10) - Ngũ cốc (mã HS: 10.01, 10.02, 10.03, 10.04, 10.05, 10.06, 10.07 và 10.08) - Hạt có dầu và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác (Mã HS: 12.01, 12.02, 12.07 và 12.12)
12	G/SPS/N/RUS/220	Liên Bang Nga	06/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo về việc sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010 Số 318	Dự thảo quy định một số thay đổi trong việc sử dụng hình thức điện tử của các chứng từ thương mại, vận chuyển và giấy chứng nhận KDTV của cơ quan có thẩm quyền trong khuôn khổ kiểm soát KDTV, kiểm dịch (giám sát), cũng như chuyển tải kết quả KDTV (giám sát) dưới hình thức điện tử thông qua hệ thống thông tin của cơ quan có thẩm quyền.

13	G/SPS/N/RUS/219	Liên Bang Nga	06/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu Dự thảo về việc sửa đổi Bảng 8 của Yêu cầu Kiểm dịch Thực vật thông thường đối với sản phẩm kiểm dịch và đối tượng kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo về việc sửa đổi Bảng 8 của Yêu cầu Kiểm dịch thực vật thông thường đối với sản phẩm kiểm dịch và đối tượng kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU). Dự thảo quy định các yêu cầu về kiểm dịch động thực vật đối với nấm sợi.
14	G/SPS/N/KOR/713	Hàn Quốc	06/4/2021	Đề xuất sửa đổi đối với các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi các quy định chung; 2. Sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật chung cho thực phẩm chung; 3. Sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với thực phẩm có thời hạn sử dụng dài; 4. Sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho từng sản phẩm thực phẩm; 5. Sửa đổi danh sách 'Các thành phần được phê duyệt để sử dụng trong thực phẩm' bằng cách thêm mới 29 thành phần bao gồm 'Oenothera biennis L.'; 6. Sửa đổi và thiết lập các giới hạn tồn dư tối đa của thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp [112 thuốc trừ sâu bao gồm cả Glufocinate]; 7. Sửa đổi các phương pháp thử nghiệm chung; 8. Sửa đổi các điều khoản bổ sung có liên quan để áp dụng trước "Thực phẩm có chứa sữa hoặc các sản phẩm từ sữa" mới được thành lập
15	G/SPS/N/EU/478	Liên minh Châu Âu	06/4/2021	Dự thảo bổ sung Quy định (EU) 2019/6 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng	Dự thảo Quy định do Ủy ban ủy quyền này nhằm xác định các tiêu chí để chỉ định các chất kháng khuẩn được dành riêng cho việc điều trị một số

				bằng cách thiết lập các tiêu chí để chỉ định các chất kháng khuẩn được dành riêng cho việc điều trị một số bệnh nhiễm trùng ở người.	bệnh nhiễm trùng ở người. Nó sẽ là cơ sở cho quy định thực hiện của Ủy ban sắp tới thiết lập một danh sách các chất kháng khuẩn được dành riêng cho việc điều trị một số bệnh nhiễm trùng ở người. Những chất kháng khuẩn như vậy sẽ không được sử dụng cho động vật hoặc các sản phẩm có nguồn gốc động vật được nhập khẩu vào Liên minh Châu Âu, theo Điều 118 của Quy định (EU) 2019/6.
16	G/SPS/N/EU/477	Liên minh Châu Âu	06/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/485 ngày 22 tháng 3 năm 2021 liên quan đến việc cho phép sử dụng tinh dầu gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, nhựa dầu gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe cho gà vỗ béo, gà đẻ, gà tây đẻ vỗ béo, lợn con, lợn đẻ vỗ béo, lợn nái, bò sữa, bê bê (thay thế sữa), gia súc đẻ vỗ béo, cừu, dê, ngựa, thỏ, cá và vật nuôi và côn gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe cho ngựa và chó	Quy định (EC) số 1831/2003 cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và cơ sở và thủ tục để cấp phép cho việc này. Điều 10 (2) quy định việc đánh giá lại các chất phụ gia được ủy quyền theo chỉ thị của Hội đồng 70/524 / EEC. Tinh dầu gừng, nhựa dầu gừng và côn gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe đã được ủy quyền không giới hạn thời gian theo Chỉ thị 70/524 / EEC làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Các chất phụ gia này sau đó đã được đưa vào sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như các sản phẩm hiện có, theo Điều 10 (1) (b) của Quy định (EC) số 1831/2003. Theo Điều 10 (2) của Quy định (EC) số 1831/2003 cùng với Điều 7 của quy định đó, đơn xin đánh giá lại tinh dầu gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe cho tất cả các loài động vật, nhựa dầu gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe cho gà đẻ vỗ béo, gà đẻ, gà tây đẻ vỗ béo, lợn con, lợn đẻ vỗ béo, lợn nái, bò sữa, bê bê (thay thế sữa), gia súc đẻ vỗ béo, cừu, dê, ngựa, thỏ, cá và vật nuôi và côn gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe cho ngựa và chó.

					<p>Người nộp đơn đã yêu cầu tinh dầu gừng, nhựa dầu gừng và cọng gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe được phép sử dụng trong nước uống. Tuy nhiên, Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép 'hợp chất tạo hương vị' được sử dụng trong nước uống.</p> <p>Vì vậy, không được phép sử dụng tinh dầu gừng, nhựa dầu gừng và cọng gừng từ <i>Zingiber officinale</i> Roscoe trong nước để uống. Người nộp đơn yêu cầu các chất phụ gia được phân loại trong nhóm phụ gia 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Đơn đăng ký đó được đính kèm với các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003.</p>
17	G/SPS/N/EU/476	Liên minh Châu Âu	06/4/2021	<p>Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/506 liên quan đến việc cấp phép methanethiol làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật.</p>	<p>Quy định (EC) số 1831/2003 cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và các cơ sở và thủ tục để cấp phép. Điều 10 (2) quy định việc đánh giá lại các chất phụ gia được ủy quyền theo Chỉ thị của Hội đồng 70/524/EEC. Methanethiol đã được ủy quyền không giới hạn thời gian, theo Chỉ thị 70/524 / EEC, làm một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này sau đó đã được đưa vào Sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như một sản phẩm hiện có, theo Điều 10 (1) (b) của Quy định (EC) số 1831/2003.</p> <p>Theo Điều 10 (2) của Quy định (EC) số 1831/2003 cùng với Điều 7 của quy định đó, một đơn đăng ký đã được đệ trình để đánh giá lại methanethiol như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động</p>

					<p> vật. Người nộp đơn yêu cầu chất phụ gia được phân loại trong danh mục phụ gia 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Đơn đăng ký đó được đính kèm với các chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu ('Cơ quan') đã kết luận trong các ý kiến của mình vào ngày 17 tháng 4 năm 2013 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, methanethiol không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe động vật, sức khỏe con người hoặc môi trường. Chất phụ gia này nên được coi là chất gây kích ứng cho da và mắt và đường hô hấp và không thể đưa ra kết luận nào về độ nhạy cảm của da. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Cơ quan có thẩm quyền không cho rằng cần có các yêu cầu cụ thể về giám sát hậu mãi. Họ cũng xác minh báo cáo về các phương pháp phân tích các chất phụ gia thức ăn trong thức ăn chăn nuôi do Phòng thí nghiệm Tham chiếu thiết lập theo Quy định (EC) số 1831/2003. Đánh giá của methanethiol cho thấy rằng các điều kiện đề được ủy quyền, như được quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003, được đáp ứng. Theo đó, việc sử dụng methanethiol phải được cho phép như quy định trong Phụ lục của Quy định này. </p>
18	G/SPS/N/CHL/671	Chi Lê	06/4/2021	Yêu cầu đối với việc nhập	Biện pháp được thông báo sẽ thiết lập các yêu cầu

				khẩu collagen, gelatine, protein thủy phân và mỡ	<p>về sức khỏe đối với việc nhập khẩu collagen, gelatine, protein thủy phân và mỡ lợn vào Chile.</p> <p>Biện pháp này đặt ra yêu cầu rằng nước xuất xứ của sản phẩm phải được Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) công nhận là có nguy cơ không đáng kể đối với bệnh bò điên (BSE) và duy trì một chương trình giám sát bệnh phù hợp với khuyến nghị của Bộ luật Thú y trên cạn của OIE.</p> <p>Theo biện pháp này, nguyên liệu thô tạo ra sản phẩm phải có nguồn gốc từ quốc gia sản xuất sản phẩm hoặc được nhập khẩu từ các quốc gia được OIE công nhận là có nguy cơ không đáng kể về BSE và duy trì chương trình giám sát dịch bệnh.</p> <p>Hơn nữa, nguyên liệu sản xuất sản phẩm phải từ động vật đã được giết mổ tại các lò mổ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Động vật phải được kiểm tra trước và sau khi giết mổ và được coi là phù hợp để làm thức ăn cho người.</p>
19	G/SPS/N/AUS/502/Add.9	Úc	06/4/2021	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một sùng đốt: giai đoạn tiếp theo của các biện pháp khẩn cấp	<p>Vào ngày 4 tháng 8 năm 2020, Úc đã ban hành thông báo SPS (G/SPS/N/AUS/502) thông báo cho các đối tác thương mại về ý định thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ Úc trước sự xâm nhập, thành lập và lây lan của một cứng đốt (<i>Trogoderma granarium</i>).</p> <p>Giai đoạn tiếp theo của các biện pháp khẩn cấp của Úc sẽ bắt đầu vào ngày 12 tháng 4 năm 2021. Giai đoạn này sẽ áp dụng biện pháp xử lý bắt buộc ngoài khơi đối với một số container biên. Có thể tìm thêm thông tin về giai đoạn này tại: http://www.awe.gov.au/khapra-containers.</p> <p>Phụ lục này liên quan đến: Thông tin bổ sung về</p>

					việc thực hiện Giai đoạn 6 của các biện pháp khẩn cấp.
20	G/SPS/N/ZAF/74	Nam Phi	07/4/2021	Sửa đổi Quy định kỹ thuật bắt buộc đối với tôm hùm đông lạnh và các chế phẩm từ tôm hùm đông lạnh - VC 8020.	Đặc điểm kỹ thuật yêu cầu tôm hùm đông lạnh và các chế phẩm từ tôm hùm đông lạnh để tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến thêm phải tuân theo thông số kỹ thuật bắt buộc này và các yêu cầu của phiên bản mới nhất của Tiêu chuẩn quốc gia Nam Phi (SANS) 2074 áp dụng cho việc sản xuất, chế biến và xử lý các sản phẩm được đề cập trong tiêu chuẩn này. Các yêu cầu vệ sinh đối với sản phẩm, cũng như các yêu cầu về chất gây ô nhiễm hóa học và vi sinh đối với sản phẩm, và các yêu cầu đối với nhân viên tại cơ sở đóng gói, phải tuân theo các yêu cầu của phiên bản mới nhất của SANS 2074.
21	G/SPS/N/ZAF/73	Nam Phi	07/4/2021	Thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (KDTV) mẫu mới cho việc tái xuất.	Nam Phi đã thực hiện giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật định dạng mới cho việc tái xuất kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2021. Định dạng mới có các tính năng bảo mật sau: 1. Giấy chứng nhận có hai số: ở góc trên bên phải có mã vạch, là số tài liệu; 2. Có mã vạch và mã QR thứ hai như một tính năng bảo mật bổ sung; 3. Số giấy chứng nhận KDTV xuất hiện giữa QR và mã vạch. Đây là con số được sử dụng cho bất kỳ cuộc trao đổi nào liên quan đến giấy chứng nhận KDTV đã được cấp; 4. Số KDTV mới bắt đầu bằng NPPO-ZA/yyyy/mm/number; 5. Chứng nhận KDTV sẽ chỉ chứa số giấy chứng nhận KDTV mới;

					6. Giấy chứng nhận KDTV sẽ được in trên khổ giấy A4 thông thường. Các đối tác thương mại cần lưu ý rằng Nam Phi sẽ phải ngừng sử dụng giấy gốc có các tính năng bảo mật trong thương mại quốc tế.
22	G/SPS/N/TPKM/567	Đài Loan	07/4/2021	Dự thảo các tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm	Bản sửa đổi giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu cho: Bicyclopyrone, cartap, chlorfluazuron, chlorpyrifos, clothianidin, cyantraniliprole, cyazofamid, cyenopyrafen, cyflufenamid, ethiprole, etofenprox, flonicamid, florpyrauxifenbenzyl, fluazinam, flupyradifurone, flutriafol, fosetyl-aluminium, fosthiazate, hexaconazole, imidacloprid, isofetamid, Isotianil, kresoxim-methyl, lufenuron, metaldehyde, methoxyfenozide, milbemectin, oxolinic acid, pencycuron, penthiopyrad, pydiflumetofen, pyflubumide, pyribencarb, quinoxifen, sedaxane, sethoxydim, spinetoram, spinosad, sulfoxaflor, tebuconazole, tetraconazole, tolclofos-methyl và trifloxystrobin trong hạt ngũ cốc, mía, hạt cà phê, hạt khô, hạt cây, trái cây và rau quả.
23	G/SPS/N/GBR/7	Vương quốc Anh	07/4/2021	Quy định về Điều kiện kiểm dịch thực vật (sửa đổi) 2021.	Theo Đạo luật Liên minh châu Âu 2018 và 2020 đưa ra các biện pháp ở Anh, Scotland và xứ Wales (Anh) đối với một số loài gây hại nhất định (<i>Neocerambyx raddei</i> và <i>Agrilus bilineatus</i>) chống lại việc nhập khẩu thực vật chủ và các hàng hóa được quản lý có liên quan khác của họ Sồi, hạt dẻ và dẻ gai từ một số quốc gia trong đó có Việt Nam.
24	G/SPS/N/AUS/436/Add.1	Úc	07/4/2021	Cập nhật khuyến cáo triển khai các điều kiện nhập khẩu sửa	Ngoài khuyến cáo được cung cấp trong thông báo G/SPS/N/AUS/436, Úc sẽ hoãn lệnh yêu cầu xử lý

				đổi đổi với hạt giống rau apiaceous để gieo	<p>thuốc diệt nấm bắt buộc đối với hạt giống <i>Daucus carota</i> (cà rốt) và <i>Foeniculum vulgare</i> (thì là) nhập khẩu để gieo hạt để các bên liên quan có thời gian xác định và cung cấp hồ sơ các biện pháp giảm thiểu rủi ro thay thế được đề xuất tương đương với xử lý bằng thuốc diệt nấm, để bộ xem xét. Thông tin về việc công nhận các biện pháp thay thế đối với hạt giống để gieo được cung cấp trong Phần 4.5 của Bộ phận xem xét cuối cùng về các điều kiện nhập khẩu đối với hạt giống rau có mầm để gieo.</p> <p>Úc sẽ xem xét việc thực hiện yêu cầu xử lý thuốc diệt nấm trước tháng 10 năm 2021.</p> <p>Các điều kiện nhập khẩu sẽ có sẵn trên hệ thống điều kiện nhập khẩu An toàn sinh học (BICON) của Úc: https://bicon.ag Agricultural.gov.au/BiconWeb4.0/.</p> <p>Như đã khuyến cáo trong G/SPS/N/AUS/512, hiện cần có giấy phép nhập khẩu đối với hạt giống của <i>Anthriscus cerefolium</i>, <i>Apium tombolens</i>, <i>F. vulgare</i>, <i>Pastinaca sativa</i> và <i>Petroselinum crispum</i>.</p> <p>Úc đã công bố bản đánh giá cuối cùng về các điều kiện nhập khẩu đối với hạt giống rau apiaceous để gieo vào ngày 29 tháng 3 năm 2021.</p>
25	G/SPS/N/TZA/108	Tanzania	08/4/2021	Đặc điểm kỹ thuật - Động vật thân mềm hai mảnh vỏ	Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và kiểm tra đối với nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống và sản phẩm tươi sống đã được cắt nhỏ hoặc đông lạnh hay chế biến.
26	G/SPS/N/HND/11/	Honduras	08/4/2021	Quy định về vật liệu đóng gói	Cộng hòa Honduras thông báo gia hạn ngày cuối

	Add.2			bằng gỗ trong thương mại quốc tế	cùng nhận góp ý cho thông báo G/SPS/N/HND/11/Add.1, đã được kéo dài đến ngày 10 tháng 5 năm 2021.
27	G/SPS/N/KGZ/23	Kyrgyzstan	09/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi quyết định của Ủy ban Liên minh hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010, số 318	Dự thảo về một số thay đổi trong việc sử dụng tài liệu điện tử bao gồm các chứng từ thương mại, vận chuyển và giấy chứng nhận KDTV của cơ quan có thẩm quyền trong khuôn khổ kiểm soát KDTV (giám sát), cũng như chuyển tải kết quả kiểm dịch KDTV (giám sát) dưới hình thức điện tử thông qua hệ thống thông tin của cơ quan có thẩm quyền.
28	G/SPS/N/KGZ/22	Kyrgyzstan	09/4/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi Bảng 8 của yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với sản phẩm kiểm dịch và đối tượng kiểm dịch ở biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).	Dự thảo quy định các yêu cầu về kiểm dịch động, thực vật đối với nấm sợi.
29	G/SPS/N/BRA/1930	Brasil	09/4/2021	Sắc lệnh số 61 ngày 29 tháng 3 năm 2021. Kết hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với <i>Oryza sativa</i> (gạo) theo quốc gia nhập và xuất xứ của các quốc gia thành viên MERCOSUR, được phê duyệt bởi Nghị quyết MERCOSUR/GMC/RES, số 07/20.	Kết hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với <i>Oryza sativa</i> (gạo) theo quốc gia nhập và xuất xứ của các quốc gia thành viên MERCOSUR, được phê duyệt bởi Nghị quyết MERCOSUR/GMC/RES, số 07/20.

30	G/SPS/N/BRA/1928	Brasil	09/4/2021	Sắc lệnh số 65 ngày 30 tháng 3 năm 2021. Kết hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia các yêu cầu kiểm dịch thực vật hài hòa theo hạng mục rủi ro đối với các điều khoản được điều chỉnh, được phê duyệt bởi Nghị quyết MERCOSUR/GMC/RES, số 10/20.	Kết hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia về yêu cầu kiểm dịch thực vật hài hòa theo hạng mục rủi ro, được phê duyệt bởi Nghị quyết MERCOSUR/GMC/RES, số 10/20.
31	G/SPS/N/EGY/121	Ai Cập	13/4/2021	Nghị định số 30/2021 của Bộ trưởng liên quan đến việc phát hiện ôi thiu trong thịt, gia cầm và cá và các sản phẩm của nó.	Nghị định số 30/2021 của Bộ trưởng cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu thời hạn chuyển tiếp 6 tháng để tuân thủ nghị định này. Nghị định này xóa mặt hàng có liên quan đến tỷ lệ phần trăm <i>axit thiobarbituric</i> trong tiêu chuẩn của Ai Cập đối với thịt, gia cầm và cá và các sản phẩm của nó: - Thứ nhất: phát hiện độ ôi trong thịt và gia cầm và các sản phẩm của nó, dựa trên số lượng peroxit và axit được đề cập trong Tiêu chuẩn Codex số 211/1999 về "Tiêu chuẩn cho chất béo động vật", sửa đổi 2009, 2013, 2015 và Năm 2019; - Thứ hai: phát hiện độ ôi thiu trong cá và các sản phẩm của nó, dựa trên số lượng peroxide và anisidine được đề cập trong Tiêu chuẩn Codex số 329/2017 về "Dầu cá".
32	G/SPS/N/CHN/1217	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của P.R.C: Sử dụng tiêu chuẩn cho phụ gia thực phẩm.	Tiêu chuẩn này quy định nguyên tắc sử dụng phụ gia thực phẩm, phân loại phụ gia thực phẩm được phép sử dụng và giới hạn sử dụng tối đa hoặc giới hạn dư lượng.
33	G/SPS/N/CHN/1216	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm	Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc sử dụng tinh bột

				quốc gia của P.R.C: Phụ gia thực phẩm tinh bột natri octenyl succinate	phụ gia thực phẩm natri octenyl succinat và anhydrit octenyl succinic bằng phương pháp este hóa, một số phương pháp phân giải bằng enzym, dextrinat, axit hóa, khử màu. Chỉ rõ các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với tinh bột phụ gia thực phẩm natri octenyl succinat.
34	G/SPS/N/CHN/1215	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm nisin.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho chất phụ gia thực phẩm nisin thu được bằng cách lên men vi khuẩn <i>Lactococcus lactis subsp. lactis</i> . Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với nisin.
35	G/SPS/N/CHN/1214	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm uguisukagura đỏ.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm uguisukagura đỏ được sản xuất bằng cách chiết xuất nước hoặc etanol ăn được từ quả của cây kim ngân xanh (<i>Lonicera caerulea</i> Linn) thuộc họ Caprifoliaceae, sau đó tinh chế, cô đặc và làm khô. Tiêu chuẩn quy định chất lượng và các chỉ tiêu kỹ thuật cũng như các phương pháp kiểm tra tương ứng.
36	G/SPS/N/CHN/1213	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm natri methylate (natri methoxide).	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm natri metylat (natri methoxit) được điều chế bằng cách cho metanol phản ứng với natri hoặc natri hydroxit, các chất phản ứng được tinh chế, loại bỏ metanol và khử nước. Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với natri metylat (natri metoxit).
37	G/SPS/N/CHN/1212	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm ϵ -polylysine hydrochloride	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm ϵ -polylysine hydrochloride thu được từ quá trình lên men có kiểm soát của streptomycetes, diastatochromogenes với sự hấp phụ của dung dịch nuôi cấy bằng nhựa trao đổi ion, rửa giải

					bằng axit clohydric và tinh chế. Tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra ϵ -polylysine hydrochloride làm phụ gia thực phẩm chủ yếu.
38	G/SPS/N/CHN/1211	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm beta-carotene	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm beta-caroten sử dụng retinyl axetat hoặc beta-ionone làm nguyên liệu ban đầu bằng phương pháp tổng hợp hóa học. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm đối với phụ gia thực phẩm beta-carotene.
39	G/SPS/N/CHN/1210	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm L-methionylglycine·HCl	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm L-methionylglycine · HCl, được sản xuất từ L-methionine và glycine bằng quá trình ngưng tụ, kết tinh và làm khô. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định đối với phụ gia thực phẩm L-methionylglycine · HCl.
40	G/SPS/N/CHN/1209	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm 6-ethyloctanal.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm 6-Methyloctanal, được sản xuất từ 6-Methyloctanol làm nguyên liệu thô, thực hiện quá trình oxy hóa xúc tác trên 2, 2, 6, 6- tetramethylpiperidine oxit làm chất xúc tác trong dung môi diclometan, sau đó loại bỏ dung môi và chưng cất dưới áp lực giảm. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định đối với phụ gia thực phẩm 6-Methyloctanal.
41	G/SPS/N/CHN/1208	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm 5-methyl-2-furanmethanol.	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm 5-metyl-2-furanmethanethiol được điều chế bằng phản ứng hóa học của 5-metylfurfural và thiourea làm nguyên liệu chính. Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử của 5-metyl-2-furometyl mercaptan.

42	G/SPS/N/CHN/1207	Trung Quốc	13/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm (2S,5R)-N-[4-(2-Amino-2-oxoethyl)phenyl]-5-methyl-2-(propan-2-yl)cyclohexanecarboxamide	Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm (2S, 5R) -N- [4 - (2-Amino-2-oxoethyl) phenyl] -5-metyl-2- (propan-2-yl) cyclohexancarboxamit được điều chế bằng phản ứng hóa học của (2S , 5R) -5-metyl-2-propyl-2-cyclohexanecarboxylic axit clorua và axit 4-aminophenylaxetic làm nguyên liệu.
43	G/SPS/N/USA/3238	Hoa Kỳ	14/4/2021	Quy tắc cuối cùng đối với dung sai thuốc trừ sâu pyriofenone	Quy định này thiết lập các dung sai đối với pyriofenone trong hoặc trên quả, cây nhỏ phân nhóm 13-07E, ngoại trừ nho thường và nho khô.
44	G/SPS/N/EU/479	Liên minh Châu Âu	14/4/2021	Quy định của Ủy ban (EU) sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức tối đa của hạch nấm ergot và ancaloit ergot trong một số loại thực phẩm.	Dự thảo Quy định sửa đổi các mức tối đa được đặt ra cho hạch nấm ergot trong hạt ngũ cốc, ngoại trừ ngô và gạo và thiết lập mức tối đa cho ergot alkaloid trong các sản phẩm xay xát của lúa mạch, lúa mì, lúa mạch đen và yến mạch, thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.
45	G/SPS/N/CAN/1383	Canada	14/4/2021	Đề xuất của Bộ Y tế Canada về việc bổ sung mức tối đa cho arsenic vô cơ trong thực phẩm làm từ gạo dành riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - Số tham chiếu: NOP/ ADP C-2021-1.	Theo kết quả của đánh giá khoa học cho rằng cần thiết lập mức tối đa (ML) đối với arsenic vô cơ trong thực phẩm làm từ gạo dành riêng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, Bộ Y tế Canada có ý định sửa đổi Phần 2 của Danh sách các chất gây ô nhiễm và các chất kết dính khác trong thực phẩm.
46	G/SPS/N/CAN/1382	Canada	14/4/2021	Đề xuất của Bộ Y tế Canada về việc cập nhật mức tối đa cho tổng arsenic trong nước trái cây và mật hoa quả - Số tham chiếu: NOP / ADP C-2021-2.	Bộ Y tế Canada đang đề xuất hạ mức tối đa hiện tại đối với arsenic xuống các giá trị thấp nhất có thể đạt được dựa trên loại nước ép trái cây và mật hoa. Các ML thấp hơn sẽ được biểu thị dưới dạng arsenic vô cơ và áp dụng cho các sản phẩm nước trái cây và mật hoa trên cơ sở được tiêu thụ.
47	G/SPS/N/AUS/517	Úc	14/4/2021	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu-Di-Lân sửa đổi (Số 2).	Đề xuất về việc sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu-Di-Lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với các hóa chất nông

					<p>nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định của quốc gia liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y bao gồm: ametoctradin, afidopyropen, chlorantraniliprole, cyantraniliprole, cyprodinil, dimethomorph, fipronil, fludioxonil, flumioxazin, haloxyfop trong các loại thực vật cụ thể; fluopyram trong các mặt hàng động vật cụ thể.</p>
48	G/SPS/N/TZA/112	Tanzania	15/4/2021	AFDC 26 (557) DTZS Quy tắc thực hành vệ sinh đối với dưa	<p>Quy tắc này bao gồm hướng dẫn cụ thể liên quan đến tất cả các lĩnh vực, từ sản xuất sơ cấp đến tiêu thụ dưa tươi thuộc họ bầu bí được dự định dùng để tiêu thụ mà không cần thêm các bước diệt vi sinh.</p>
49	G/SPS/N/NZL/647	Niu-Di-Lân	15/4/2021	Đề xuất Sửa đổi mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp.	<p>Tài liệu bao gồm các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi Thông báo hiện hành được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014 liệt kê các mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu-Di-Lân.</p>
50	G/SPS/N/IDN/141	Indonesia	15/4/2021	Quy định số 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về hồ sơ kiểm dịch động thực vật.	<p>Quy định để cập nhật hồ sơ kiểm dịch bắt buộc đối với động vật, sản phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật phục vụ mục đích kiểm tra biên giới theo hiến pháp mới về kiểm dịch động vật, cá và thực vật (Luật số 21 năm 2019). Quy định này sẽ thay thế Nghị định số 33 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và sẽ có hiệu lực vào ngày 12 tháng 4 năm 2021.</p>
51	G/SPS/N/IDN/140	Indonesia	15/4/2021	Quy định của FDA Indonesia số 28 năm 2019 về hỗ trợ chế biến trong chế phẩm thực phẩm.	<p>Quy định của FDA Indonesia số 28 năm 2019 về hỗ trợ chế biến trong chế phẩm. Quy định này đặt ra 11 loại chất hỗ trợ chế biến. Do sự phát triển của khoa học và công nghệ trong chất hỗ trợ chế biến cũng như quy định về hỗ trợ chế biến ở các quốc gia khác, FDA Indonesia sửa đổi quy định số</p>

					28 năm 2019 như một tài liệu tham khảo trong việc giám sát thực phẩm chế biến để đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
52	G/SPS/N/CHN/1212 / Add.1	Trung Quốc	15/4/2021	Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn thực phẩm của P.R.C: Phụ gia thực phẩm ϵ -Polylysine hydrochloride	Bổ sung tài liệu đầy đủ cho thông báo số G/SPS/N/CHN/1212.
53	G/SPS/N/AUS/518	Úc	15/4/2021	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu-Di-Lân sửa đổi (Số 3, ngày 23 tháng 3 năm 2021)	Đề xuất này về việc sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc Niu-Di-Lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) sau đây đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định quốc gia liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y: Chlorantraniliprole, cypermethrin, dimethoate, fluopyram, metalaxyl, metrafenone, omethoate, propiconazole, sulfoxaflor trong các loại thực vật cụ thể.
54	G/SPS/N/AUS/363/ Add.11	Úc	15/4/2021	Sửa đổi Đạo luật An ninh Sinh học của Úc năm 2015	Đạo luật An ninh sinh học sửa đổi (Làm rõ hàng hóa không bị cấm có điều kiện) năm 2021 bắt đầu có hiệu lực vào ngày 1 tháng 4 năm 2021. Đạo luật mới này sửa đổi Đạo luật an ninh sinh học 2015 nhằm xác nhận rằng: các quyết định được đưa ra theo tiêu mục 174 của Đạo luật an toàn sinh học 2015 trước khi bắt đầu áp dụng đạo luật mới phải được thực hiện cho tất cả các mục đích và luôn có giá trị.
55	G/SPS/N/TZA/125	Tanzania	16/4/2021	DEAS 1040: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Sắn viên	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sắn viên thu được từ cây Sắn (Manihot esculenta Crantz), dùng cho người.
56	G/SPS/N/TZA/124	Tanzania	16/4/2021	DEAS 779: 2021 Đặc điểm kỹ	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương

				thuật -Bột sắn chất lượng cao	pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột sắn chất lượng cao, thu được từ quá trình chế biến sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz), dùng cho người và sử dụng trong công nghiệp.
57	G/SPS/N/TZA/123	Tanzania	16/4/2021	DEAS 742: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Tinh bột sắn làm thực phẩm	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với tinh bột sắn làm thực phẩm
58	G/SPS/N/TZA/122	Tanzania	16/4/2021	DEAS 741: 2021 Đặc điểm kỹ thuật -Bột mì tổng hợp sắn	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột mì làm từ lúa mì – bột sắn tổng hợp làm thức ăn cho người
59	G/SPS/N/TZA/121	Tanzania	16/04/2021	AFDC 27 (552) DTZS Tiêu chuẩn chung về an toàn thực phẩm	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định giới hạn cho phép đối với phụ gia thực phẩm, chất độc và chất gây ô nhiễm bao gồm kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc trừ sâu và dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm. Tiêu chuẩn chung này áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm dùng để làm thức ăn trực tiếp cho con người và đặc biệt là chế biến tiếp ở những nơi không có tiêu chuẩn sản phẩm cụ thể hoặc tiêu chuẩn sản phẩm cụ thể không quy định các giới hạn.
60	G/SPS/N/MWI/20	Malawi	16/4/2021	DMS 349: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - Bột sắn ăn được	Dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột sắn ăn được thu được từ quá trình chế biến củ sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz) dùng cho người
61	G/SPS/N/CAN/1384	Canada	16/4/2021	Thông báo về việc sửa đổi Danh sách các chất phụ gia thực phẩm được phép để mở rộng việc sử dụng một số chất phụ gia thực phẩm nhất định cho chất bổ sung sữa mẹ	Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành các đánh giá an toàn của các hoạt chất carrageenan, gellan gum, lecithin, monoglycerid, kali citrat, kali hydroxit và natri citrat để sử dụng trong chất bổ sung sữa mẹ (HMF). Kết quả của những đánh giá này hỗ trợ đảm bảo sự an toàn của các phụ gia thực phẩm này để sử dụng trong HMF.

					Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng các hoạt chất này, được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các chất tạo nhũ, tạo keo, ổn định hoặc làm đặc được cấp phép và danh sách các chất điều chỉnh PH được cấp phép, vật liệu phản ứng axit và chất điều chỉnh nước, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 4, 2021.
62	G/SPS/N/BRA/1936	Brasil	19/4/2021	Dự thảo Chỉ thị Quy phạm số 1040, ngày 8 tháng 4 năm 2021.	Dự thảo hướng dẫn quy chuẩn này cập nhật danh sách các thành phần, giới hạn sử dụng, công bố sức khỏe và ghi nhãn cho các chất bổ sung thực phẩm
63	G/SPS/N/MEX/392	Mexico	20/4/2021	Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn NOM-060-ZOO-1999, Thông số kỹ thuật thú y cho chế biến nội tạng động vật	Tiêu chuẩn chính thức của Mexico được thông báo có giá trị ràng buộc trên toàn lãnh thổ quốc gia và thiết lập các thông số kỹ thuật để điều chỉnh việc sử dụng và chế biến nội tạng động vật và các sản phẩm phụ cũng như việc tiếp thị bột và thức ăn có nguồn gốc động vật cũng như việc sử dụng chúng trong thức ăn chăn nuôi, nhằm đảm bảo rằng các quy trình này không tạo thành rủi ro sức khỏe động vật liên quan đến bệnh não thể xốp có thể truyền nhiễm. Điều này áp dụng cho các cá nhân chịu trách nhiệm đối với các cơ sở chế biến hoặc tạo hình các mô có nguồn gốc động vật, các nhà máy giết mổ, cắt và chế biến sản xuất nội tạng, cho dù họ có nhà máy đóng gói riêng hay không và các cơ sở tiếp thị thịt, xương hoặc hỗn hợp bột hoặc bột, cho dù có nguồn gốc trong nước hay nhập khẩu, cũng như những người tham gia sản xuất và tiếp thị thức ăn chăn nuôi, cho dù là thương mại hay để sử dụng riêng.

					Tiêu chuẩn này không áp dụng cho chất béo, mỡ động vật đã qua chế biến, protein sữa, gelatine, bột cá, bột lông vũ hoặc máu động vật và các thành phần của nó.
64	G/SPS/N/KOR/714	Hàn Quốc	20/4/2021	Quy định về chứng nhận HACCP đối với thực phẩm nhập khẩu	Thông tin chi tiết về các doanh nghiệp được chứng nhận HACCP đối với thực phẩm nhập khẩu, bao gồm thủ tục chứng nhận, áp dụng, thực hiện, xem xét và đánh giá.
65	G/SPS/N/USA/3242	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu spinetoram; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập các giới hạn dư lượng tối đa đối với spinetoram trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa.
66	G/SPS/N/USA/3241	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu Spinosad; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập các giới hạn dư lượng tối đa đối với spinosad trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa.
67	G/SPS/N/USA/3240	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu Penthioopyrad; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập các giới hạn dư lượng tối đa đối với penthiopyrad trong hoặc trên quả hồng.
68	G/SPS/N/USA/3239	Hoa Kỳ	21/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu MCPA; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập các giới hạn dư lượng tối đa đối với MCPA trong hoặc trên chè, ngũ cốc, cỏ khô và rom.
69	G/SPS/N/NZL/649	Niu-Di-Lân	21/4/2021	Dự thảo sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo trồng (155.02.05).	Việc bổ sung các yêu cầu nhập khẩu đề xuất đối với hạt giống <i>Cucumis melo</i> (dưa lưới), <i>Cucumis sativus</i> (dưa chuột) và <i>Citrullus lanatus</i> (dưa hấu) để gieo hạt nhập khẩu vào Niu-Di-Lân. Mục đích của các yêu cầu mới là quản lý nguy cơ nhiễm virus đốm hoại tử trên các vật chủ đã biết.
70	G/SPS/N/NZL/648	Niu-Di-Lân	21/4/2021	Dự thảo sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo trồng (155.02.05).	Đề xuất sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Hạt giống để gieo (155.02.05) bao gồm: - Loại bỏ ELISA như một phương pháp thử nghiệm đối với vi rút hại quả cà chua nâu trên hạt <i>Capsicum</i> và <i>Solanum lycopersicum</i> để gieo từ tất

					<p>cả các nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại bỏ vi rút <i>Hemp streak</i> và vi rút <i>Hemp mosaic</i> khỏi danh sách dịch hại đối với gai dầu, và loại bỏ các biện pháp đối với các loài gây hại này trên hạt giống gai dầu để gieo từ tất cả các nước; - Loại bỏ virus <i>Artichoke yellow ringspot</i> ra khỏi danh sách dịch hại đối với Đậu cô ve, đồng thời loại bỏ các biện pháp đối với loài gây hại này trên hạt giống đậu cô ve để gieo từ tất cả các nước; - Loại bỏ vi rút <i>Pea enation mosaic</i> khỏi danh sách dịch hại đối với đậu Hà Lan và đậu răng ngựa, và loại bỏ các biện pháp đối với dịch hại này trên hạt giống đậu Hà Lan và đậu răng ngựa để gieo từ tất cả các nước; - Loại bỏ vi rút <i>Peanut stunt</i> khỏi danh sách dịch hại cho đậu cô ve và đậu răng ngựa và loại bỏ các biện pháp đối với dịch hại này trên hạt giống đậu cô ve và đậu răng ngựa để gieo từ tất cả các nước;
71	G/SPS/N/EU/482	Liên minh Châu Âu	21/4/2021	<p>Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/630 ngày 16 tháng 2 năm 2021 bổ sung quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến một số loại hàng hóa được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và sửa đổi quyết định của Ủy ban 2007/275/EC</p>	<p>Mục đích của quy định này là đưa ra các trường hợp và điều kiện mà theo đó một số sản phẩm hỗn hợp ổn định trong hạn sử dụng có rủi ro thấp hơn không chứa thịt đã qua chế biến được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới. Các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên EU nên thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm hỗn hợp đó thường xuyên, trên cơ sở rủi ro và với tần suất thích hợp, tại nơi đến, điểm xuất xưởng để lưu thông tự do trong Liên minh, hoặc các kho hàng hoặc cơ sở của nhà điều hành chịu trách nhiệm về lô hàng.</p>

					Quy định thiết lập một danh sách mới các sản phẩm hỗn hợp có thời hạn sử dụng ổn định không chứa thịt chế biến được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và đưa ra các quy tắc liên quan đến kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm đó.
72	G/SPS/N/BRA/1937	Brasil	21/4/2021	Hướng dẫn quy phạm số 132 ngày 16 tháng 4 năm 2021, loại trừ <i>Setaria pumila</i> ra khỏi danh sách dịch hại kiểm dịch vắng mặt ở Brasil và các biện pháp khác	Loại trừ <i>Setaria pumila</i> ra khỏi Danh sách dịch hại kiểm dịch không có ở Brasil và các biện pháp khác.
73	G/SPS/N/USA/3244	Hoa Kỳ	26/4/2021	Kiến nghị kiểm tra thuốc bảo vệ thực vật về tồn dư của hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn yêu cầu và đề nghị góp ý.	Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị về yêu cầu thiết lập giới hạn tối đa thuốc bảo vệ thực vật hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau.
74	G/SPS/N/USA/3243	Hoa Kỳ	26/4/2021	Giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu metaflumizone; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập các giới hạn dư lượng tối đa thuốc trừ sâu đối với metaflumizone trong hoặc trên nhiều loại hàng hóa.
75	G/SPS/N/UGA/153	Uganda	26/4/2021	DUS DEAS 741: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - bột hỗn hợp lúa mì sản	Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột mì từ lúa mì làm thức ăn cho người.
76	G/SPS/N/UGA/151	Uganda	26/4/2021	DUS DEAS 1040, Đặc điểm kỹ thuật – sản viên	Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với viên nén bột sản (thu được từ <i>Manihot esculenta</i> Crantz) dùng cho người.
77	G/SPS/N/UGA/150	Uganda	26/4/2021	DUS DEAS 779, Đặc điểm kỹ thuật - bột sản chất lượng cao	Dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột sản chất lượng cao, thu được từ quá trình chế biến sản

					(<i>Manihot esculenta</i> Crantz), dùng cho người và dùng trong công nghiệp.
78	G/SPS/N/EU/485	Liên minh Châu Âu	26/4/2021	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/619 ngày 15 tháng 4 năm 2021 sửa đổi quy định thực hiện (EU) 2020/2235, (EU) 2020/2236 và (EU) 2021/403 liên quan đến các điều khoản chuyển tiếp đối với việc sử dụng giấy chứng nhận thú y, sức khỏe động vật/chứng nhận chính thức	Mục đích của quy định này là tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi sang sử dụng giấy chứng nhận thú y mới và giấy chứng nhận chính thức cho việc vận chuyển các lô hàng trong Liên minh và giữa các quốc gia thành viên và vì lợi ích của sự chắc chắn về mặt pháp lý, làm rõ các điều khoản chuyển tiếp trong giai đoạn chuyển tiếp để được cấp giấy chứng nhận gia nhập Liên minh. Đạo luật không thay đổi các yêu cầu chuyển tiếp đối với các chuyến hàng vào Liên minh được thành lập nhưng quy định rõ ràng hơn cho các điều khoản chuyển tiếp. Ngày áp dụng quy chế này là ngày 21 tháng 4 năm 2021.
79	G/SPS/N/EU/484	Liên minh Châu Âu	26/4/2021	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/617 ngày 14 tháng 4 năm 2021 sửa đổi quy định thực hiện (EU) 2020/2235 và (EU) 2020/2236 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật và chứng nhận chính thức để gia nhập Liên minh thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật	Mục đích của quy định này là để sửa đổi một số giấy chứng nhận quy định thực hiện (EU) 2020/2235 và (EU) 2020/2236 để đảm bảo sự nhất quán giữa các yêu cầu công cộng và sức khỏe động vật để gia nhập Liên minh một số sản phẩm và động vật thủy sản sống có nguồn gốc động vật dùng để làm thức ăn cho người phù hợp với Quy định (EC) số 853/2004. Quy định này làm rõ một số điều khoản liên quan đến các yêu cầu sức khỏe cộng đồng và sức khỏe động vật để phù hợp với quy định hiện hành (EC) số 853/2004.
80	G/SPS/N/EU/483	Liên minh Châu Âu	26/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/632 ngày 13 tháng 4 năm 2021 đưa ra các quy tắc	Do các điều kiện mới liên quan đến các sản phẩm hỗn hợp được nhập khẩu vào Liên minh Châu Âu sẽ bắt đầu áp dụng từ ngày 21 tháng 4 năm 2021

				áp dụng đối với Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến danh sách động vật, sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm mầm, phụ phẩm động vật và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, sản phẩm hỗn hợp, cỏ khô và rom ra chịu sự kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và bãi bỏ Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2019/2007 và Quyết định của Ủy ban 2007/275 / EC	theo Quy định do Ủy ban Ủy quyền (EU) 2019/625 nên cần phải bãi bỏ Quyết định 2007/275/EC và đưa mã CN của các sản phẩm hỗn hợp vào danh sách mới. Quy chế thực hiện này không quy định mã CN mới phải kiểm tra tại các đồn kiểm soát biên giới mà gộp mã CN của các sản phẩm tổng hợp vào một danh mục duy nhất do Quyết định 2007/275 bị bãi bỏ.
81	G/SPS/N/UGA/156	Uganda	27/4/2021	DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật, rau khô và thảo mộc dùng để sử dụng	Tiêu chuẩn của Uganda quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các loại rau và thảo mộc khô được cung cấp để tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến sau đó, kể cả cho mục đích phục vụ ăn uống hoặc để đóng gói lại nếu được yêu cầu. Tiêu chuẩn dự thảo này không áp dụng cho các loại rau và thảo mộc khô đã được công bố trong các tiêu chuẩn cụ thể khác.
82	G/SPS/N/UGA/154	Uganda	27/4/2021	DUS 887: 2021, Đặc điểm kỹ thuật, Trái cây sấy khô	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trái cây sấy khô được cung cấp để tiêu thụ trực tiếp hoặc dùng để trộn với các sản phẩm khác để tiêu thụ trực tiếp mà không cần chế biến thêm, kể cả đối với mục đích phục vụ ăn uống hoặc để đóng gói lại. Nó không áp dụng cho trái cây khô được chế biến bằng cách chiên, nướng hoặc dùng để chế

					biến thêm/công nghiệp. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các loại rau và thảo mộc đã công bố trong các tiêu chuẩn cụ thể khác.
83	G/SPS/N/TUR/117	Thổ Nhĩ Kỳ	27/4/2021	Tiêu chuẩn Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Thông cáo dự thảo về các sản phẩm từ ong	Thông cáo này bao gồm các định nghĩa sản phẩm, tiêu chí thành phần và yêu cầu ghi nhãn của các sản phẩm keo ong, sữa ong chúa, bột sữa ong chúa, phấn hoa ong, phấn hoa ong khô và phấn ong. Thông báo cũng đưa ra các yêu cầu về các sản phẩm từ ong phải có trong các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị, chế biến, bảo quản, nhập khẩu, vận chuyển và tiếp thị.
84	G/SPS/N/KOR/716	Hàn Quốc	27/4/2021	Đề xuất sửa đổi cho "Quy định về công nhận thành phần chức năng và tiêu chuẩn - Thông số kỹ thuật cho thực phẩm chức năng y tế".	Các sửa đổi được đề xuất tìm cách thay đổi các điều khoản phản ánh luật và quy định liên quan.
85	G/SPS/N/KOR/715	Hàn Quốc	27/4/2021	Dự thảo đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và Đặc điểm kỹ thuật cho Thực phẩm Chức năng Y tế".	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đề cập đến những thay đổi của 'chế độ ăn kiêng tham khảo cho người Hàn Quốc'; 2. Điều chỉnh hệ số chuyển đổi và đơn vị lượng vitamin A ăn vào hàng ngày; 3. Làm rõ phạm vi ứng dụng của các thông số kỹ thuật trong dầu ăn có chứa EPA và DHA; 4. Sửa lại tên khoa học của men vi sinh và bổ sung thêm tiếng Hàn Quốc trong số men vi sinh.
86	G/SPS/N/UKR/160	Ukraine	29/4/2021	Dự thảo Sắc lệnh "Phê duyệt mức dư lượng tối đa (MRL) của hàm lượng chlorpyrifos và chlorpyrifos-methyl trong nông sản/thực phẩm và về việc sửa đổi các tiêu chuẩn và quy định vệ sinh để sử dụng an	Dự thảo Sắc lệnh quy định mức dư lượng tối đa đối với chlorpyrifos và chlorpyrifos-methyl trong nông sản và thực phẩm là 0,01 mg/kg (mg/l)

				toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp"	
87	G/SPS/N/SAU/452	Vương Quốc Ả Rập Xê út	29/4/2021	Các điều kiện và yêu cầu phải đáp ứng khi nhập khẩu mật ong và các sản phẩm từ ong vào Vương quốc Ả Rập Xê út	Tài liệu giải thích các hướng dẫn của SFDA và hướng dẫn của các quy định khác như luật pháp bao gồm ghi nhãn thích hợp cho sản phẩm mật ong và ong, công bố nguồn mật ong, danh sách kiểm tra thú y, chứng nhận/tài liệu sức khỏe, các biện pháp an toàn cũng như tất cả các yêu cầu xuất khẩu mật ong và các sản phẩm từ ong sang Vương quốc Ả Rập Xê út.
88	G/SPS/N/SAU/451	Vương Quốc Ả Rập Xê út	29/4/2021	Quy trình phê duyệt cơ quan kiểm soát có thẩm quyền nước ngoài và cơ sở quan tâm đến xuất khẩu sản phẩm thực phẩm sang Vương quốc Ả Rập Xê-út (KSA)	Dự thảo văn bản này nhằm xác minh các thủ tục do cơ quan quản lý có thẩm quyền chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm thực hiện tại các quốc gia quan tâm đến việc xuất khẩu sản phẩm thực phẩm vào Vương quốc Ả Rập Xê út, đồng thời làm rõ thủ tục chấp thuận cơ sở nước ngoài và phí kiểm tra.
89	G/SPS/N/EU/486	Liên minh Châu Âu	29/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/669 liên quan đến việc cho phép L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật và cơ sở L-lysine lỏng được sản xuất bởi corynebacterium casei KCCM 80190 hoặc corynebacterium glutamicum KCCM 80216 hoặc corynebacterium glutamicum KCTC 12307BP làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu kết luận rằng L-lysine cơ sở, chất lỏng và L-lysine monohydrochloride tinh khiết về mặt kỹ thuật được sản xuất bởi corynebacterium casei KCCM 80190 hoặc corynebacterium glutamicum KCCM 80216 hoặc corynebacterium glutamicum KCTC 12307BP là nguồn cung cấp axit amin thiết yếu L-lysine hiệu quả cho tất cả các loài động vật. Để L-lysine bổ sung có đầy đủ hiệu quả ở động vật nhai lại, chất này cần được bảo vệ chống lại sự suy thoái trong dạ cỏ.
90	G/SPS/N/EU/487	Liên minh	30/4/2021	Quy định thực thi của Ủy ban	Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã kết luận

		Châu Âu		(EU) 2021/658 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu từ <i>Origanum vulgare</i> L. subsp. <i>hirtum</i> (Liên kết) cho phép. Var. Vulkan (DOS 00001) làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật	trong các ý kiến của mình vào ngày 29 tháng 11 năm 2017 và ngày 4 tháng 7 năm 2019 rằng: trong các điều kiện sử dụng được đề xuất tinh dầu từ <i>Origanum vulgare</i> L. subsp. <i>hirtum</i> (Liên kết) cho phép. Var. Vulkan (DOS 00001) không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe vật nuôi, sức khỏe người tiêu dùng hoặc môi trường. Ngoài ra cũng có kết luận rằng chất phụ gia này được coi là một chất gây kích ứng tiềm ẩn đối với da và mắt và là một chất gây mẫn cảm cho đường hô hấp và da ở những người nhạy cảm. Do đó, Ủy ban quyết định cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia này.
--	--	---------	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐÃ CÓ HIỆU LỰC

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề	Tóm tắt
1	G/SPS/N/EU/431/ Add.1	Liên minh Châu Âu	06/4/2021	Từ chối cấp phép axit photphoric 60% trên chất dẫn silica làm phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc nhóm chức năng của chất bảo quản	Đề xuất được thông báo trong G / SPS / N / EU / 431 (ngày 15 tháng 10 năm 2020) hiện đã được thông qua bởi Ủy ban Thực thi Quy định (EU) 2021/505 ngày 23 tháng 3 năm 2021 liên quan đến việc từ chối cấp phép axit photphoric 60% trên chất mang silica như một phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc nhóm chất bảo quản chức năng (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 102, 23 tháng 3 năm 2020, trang 1].

					Quy chế này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu.
2	G/SPS/N/CAN/1359/Add.1	Canada	06/4/2021	Tài liệu quản lý rủi ro RMD-20-02 về vật liệu chèn lót trên tàu	<p>Kể từ năm 2008, tất cả các vật liệu sử dụng làm chèn lót được thải ra ở Canada được coi là không tuân thủ vì thực tế cho thấy việc phân loại các vật chèn lót tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc tế (ISPM 15) và không tuân thủ sau khi xả thải là điều khó khăn. Việc kiểm tra sau khi xả qua các đồng chèn lót là nguy hiểm và không hiệu quả. Ngoài ra, Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) định kỳ phát hiện các dấu hiệu của sinh vật gây hại trong vật liệu đóng gói bằng gỗ có đóng dấu ISPM-15, bao gồm cả vật liệu chèn lót trên tàu. RMD-20-02 đề xuất bốn phương án quản lý rủi ro để quản lý thống nhất, an toàn và hiệu quả các trọng tải trên tàu được đưa vào Canada. Phương án được đề xuất (phương án 4) là một chương trình dựa trên đánh giá với các kế hoạch kiểm soát phòng ngừa hạn chế việc tái sử dụng các vật liệu chèn lót trên tàu trong các giai đoạn rủi ro thấp và yêu cầu thải bỏ bắt buộc trong giai đoạn rủi ro cao.</p> <p>Phương án được đề xuất, nhận được đa số sự ủng hộ trong quá trình tham vấn trong nước và quốc tế, là phương án được lựa chọn. Nó kết hợp các biện pháp giảm thiểu dịch hại rừng mạnh mẽ với một cách tiếp cận linh hoạt và dễ áp dụng cũng nhằm thúc đẩy và khuyến khích việc sử dụng tài liệu tuân thủ ISPM 15. CFIA sẽ thực hiện phương án 4, như đã đề xuất với một số cải tiến</p>

					<p>đã nhận được trong quá trình tham vấn. Việc thực hiện phương án 4 sẽ yêu cầu sửa đổi chỉ thị sức khỏe thực vật liên quan (D-98-08) để đưa vào chương trình chèn lót trên tàu mới, chương trình này sẽ bao gồm giai đoạn tham vấn quốc gia và quốc tế.</p> <p>Hiệu quả của phương án đã chọn sẽ được đánh giá trong vài năm tới. CFIA đang di chuyển theo hướng tăng dần cho phép các vật chèn lót tuân thủ ISPM 15 vào Canada mà không bị hạn chế.</p>
3	G/SPS/N/JPN/788/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho pyriproxyfen được thông báo trong G/SPS/N/JPN/788 (ngày 19 tháng 10 năm 2020) đã được thông qua và công bố vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.
4	G/SPS/N/JPN/787/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho pyrifluquinazon được thông báo trong G/SPS/N/JPN/787 (ngày 19 tháng 10 năm 2020) đã được thông qua và công bố vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.
5	G/SPS/N/JPN/786/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho cyflufenamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/786 (ngày 19 tháng 10 năm 2020) đã được thông qua và công bố vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.
6	G/SPS/N/JPN/785/Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật về	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho bixafen được thông báo trong G/SPS/N/JPN/785 (ngày 19 tháng 10 năm 2020) đã được thông qua

				sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	và công bố vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.
7	G/SPS/N/JPN/784/ Add.1	Nhật Bản	07/4/2021	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất cho azoxystrobin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/784 (ngày 19 tháng 10 năm 2020) đã được thông qua và công bố vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.
8	G/SPS/N/EU/402/ Add.1	Liên minh Châu Âu	07/4/2021	Mẫu chứng chỉ, chứng nhận và tờ khai chính thức cho một số loại động vật trên cạn và sản phẩm ở thời kỳ phôi thai	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/402 (ngày 28 tháng 7 năm 2020) hiện đã được Ủy ban thực hiện quy định (EU) số 2021/403 ngày 24 tháng 3 năm 2021 thông qua, đưa ra các quy tắc áp dụng quy định (EU) 2016/429 và (EU) 2017/625 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật và giấy chứng nhận chính thức cho việc thâm nhập Liên minh và việc di chuyển giữa các quốc gia thành viên đối với các lô hàng thuộc một số chủng loại động vật trên cạn và sản phẩm ở thời kỳ phôi thai. Quy chế thực hiện sẽ được áp dụng kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2021.
9	G/SPS/N/JPN/796/ Add.1	Nhật Bản	08/4/2021	Sửa đổi "Pháp lệnh về tiêu chuẩn và đặc điểm kỹ thuật đối với thức ăn thú cảnh" (Pháp lệnh số 1 ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản/Bộ Môi trường Nhật Bản)	Đề xuất sửa đổi mức tối đa của Asen trong thức ăn thú cảnh từ "Asen 15 µg/g" thành "Asen vô cơ (tổng As (III) và As (V)): 2 µg/g" trong thông báo G/SPS/N/JPN/796 (ngày 12 tháng 11 năm 2020) đã được xuất bản trên "KAMPO" (ngày 1 tháng 4 năm 2021) (Công báo chính thức của Chính phủ chỉ có bằng tiếng Nhật). Ngày có hiệu lực: 1 tháng 10 năm 2021.

10	G/SPS/N/EU/415/ Add.1	Liên minh Châu Âu	08/4/2021	Điều kiện nhập khẩu đối với ốc sên sống, sản phẩm hỗn hợp và vỏ bọc lưu thông trên thị trường làm thức ăn cho người	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/415 (ngày 2 tháng 10 năm 2020) hiện đã được thông qua bởi quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) số 2021/573 ngày 1 tháng 2 năm 2021 sửa đổi quy định được ủy quyền (EU) 2019/625 liên quan đến các điều kiện nhập khẩu đối với ốc sên sống, sản phẩm hỗn hợp và vỏ bọc được bán trên thị trường làm thức ăn cho người (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 120, ngày 8 tháng 4 năm 2021, trang 6]. Quy chế này sẽ có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu. Điều 1 (5), (7) (b) và (8) sẽ được áp dụng kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2021.
11	G/SPS/N/BRA/1625/ Add.2	Brasil	09/4/2021	Chỉ thị quy phạm số 88, ngày 26 tháng 3 năm 2021	Dự thảo quy phạm số 778, ngày 7 tháng 2 năm 2020 như đã thông báo số G/SPS/N/BRA/1625 – thiết lập mức tối đa cho phép của các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm, đã được thông qua như Chỉ thị quy phạm số 88, ngày 26 tháng 3 năm 2021.
12	G/SPS/N/BRA/1624/ Add.2	Brasil	09/4/2021	Nghị quyết - RDC số 487, ngày 26 tháng 3 năm 2021	Dự thảo Nghị quyết số 777, ngày 7 tháng 2 năm 2020 – Như đã thông báo số G/SPS/N/BRA/1624 – Thiết lập mức tối đa cho phép của các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm, nguyên tắc chung để thiết lập và các phương pháp phân tích nhằm mục đích đánh giá sự phù hợp thủ tục, đã được thông qua như Nghị quyết - RDC số 487, ngày 26 tháng 3 năm 2021.
13	G/SPS/N/JPN/827/	Nhật Bản	14/4/2021	Sửa đổi Pháp lệnh Thực thi Đạo	Các sửa đổi của Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Bảo

	Add.1			luật Bảo vệ Thực vật và các yêu cầu liên quan	vệ Thực vật và các yêu cầu liên quan đã được nêu trong thông báo số G/SPS/N/JPN/827 vào ngày 01 tháng 02 năm 2021 sau đó đã được công bố trên Công báo Nhật Bản vào ngày 27 tháng 4 năm 2021. Các sửa đổi này và các yêu cầu sẽ có hiệu lực vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.
14	G/SPS/N/CAN/1366 / Add.1	Canada	16/4/2021	Danh sách các loài động vật sống dưới nước mẫn cảm	Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada đã cập nhật danh sách các loài động vật thủy sinh mẫn cảm của Canada (SSL) bằng cách thêm mười hai loài và loại bỏ bảy loài, dựa trên những thay đổi đối với các loài được liệt kê trong các chương cụ thể về bệnh dịch của Tổ chức Thú y (OIE) về Bộ luật Sức khỏe Động vật Thủy sản. Ngoài ra, trong Quy định về Sức khỏe của Động vật, Phụ lục III đã bị bãi bỏ và danh sách các loài động vật thủy sinh nhạy cảm được đưa vào để tham khảo. Thay đổi này sẽ tạo điều kiện thuận lợi đối với SSL để phù hợp với các sửa đổi đối với các chương cụ thể về dịch bệnh của Bộ luật Sức khỏe Động vật Thủy sản của OIE.
15	G/SPS/N/GBR/5/ Add.1	Vương quốc Anh	19/4/2021	Các Quy định về kiểm soát chính thức và điều kiện KDTV (Sửa đổi) 2021	Sửa đổi được ban hành bởi các điều khoản trong Quy định về kiểm soát chính thức và điều kiện kiểm dịch thực vật (Bản sửa đổi) 2021 (S.I. 2021/136) liên quan đến các biện pháp chống lại việc nhập khẩu cây ký chủ <i>Xylella fastidiosa</i> (Wells et al.). Thông báo đã được đưa ra vào ngày 19 tháng 2 năm 2021. Từ ngữ sai ngữ ý loại trừ cây ô liu và cây hạnh nhân được trồng trong ống nghiệm khỏi các yêu cầu nhập khẩu, trái ngược với chính các yêu cầu đặt ra các điều kiện áp dụng cho những cây trồng

					trong ống nghiệm đó. Việc xóa tuyên bố này sẽ loại bỏ sự không rõ ràng và đảm bảo việc nhập khẩu các sản phẩm này có thể xảy ra, với điều kiện chúng đáp ứng các yêu cầu liên quan.
16	G/SPS/N/EU/443/ Add.1	Liên minh Châu Âu	19/4/2021	Mức dư lượng tối đa cho diclofop, fluopyram, ipconazole và terbuthylazine trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G / SPS / N / EU / 443 (ngày 13 tháng 11 năm 2020) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) số 2021/618 ngày 15 tháng 4 năm 2021 sửa đổi Phụ lục II và III thành Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với diclofop, fluopyram, ipconazole và terbuthylazine trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 131, ngày 16 tháng 4 năm 2021, tr. 55]. Quy chế sẽ được áp dụng kể từ ngày 6 tháng 11 năm 2021.
17	G/SPS/N/EU/395/ Add.1	Liên minh Châu Âu	19/4/2021	Mức dư lượng tối đa cho benalaxyl, benalaxyl-M, dichlobenil, fluopicolide, proquinazid và pyridalyl trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G / SPS / N / EU / 395 (ngày 15 tháng 7 năm 2020) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) số 2021/616 ngày 13 tháng 4 năm 2021 sửa đổi Phụ lục II, III và V thành Quy định (EC) số 396 / 2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với benalaxyl, benalaxyl-M, dichlobenil, fluopicolide, proquinazid và pyridalyl trong hoặc trên các sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 131, ngày 16 tháng 4 năm 2021, tr. 4]. Quy chế sẽ được áp dụng kể từ ngày 6 tháng 11

					năm 2021.
18	G/SPS/N/KOR/710/ Add.1	Hàn Quốc	27/4/2021	Đề xuất sửa đổi "Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"	Mục 6 (mô tả nội dung) của G/SPS/N/KOR/710 nên hiểu như sau: - Đối với việc đăng ký cơ sở thực phẩm nước ngoài cần nộp các tài liệu chứng minh cơ sở sản xuất được chấp thuận, đăng ký và công bố theo luật thực phẩm liên quan của nước xuất khẩu; - Nhà nhập khẩu và người điều hành cơ sở thực phẩm nước ngoài (người thành lập) có thể xin gia hạn đăng ký các cơ sở thực phẩm nước ngoài; - Giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu đã được công nhận giữa Hàn Quốc và quốc gia xuất khẩu để xuất khẩu các sản phẩm sữa, sản phẩm trứng chế biến và các sản phẩm thịt tiết trùng (có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 và áp dụng cho các lô hàng tính theo ngày gửi hàng).
19	G/SPS/N/EU/398/ Add.1	Liên minh Châu Âu	27/4/2021	Mức dư lượng tối đa cho chlordecone trong hoặc trên các sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/398 (ngày 16 tháng 7 năm 2020) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2021/663 ngày 22 tháng 4 năm 2021 nhằm sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với chlordecone có trong hoặc trên các sản phẩm nhất định. Quy chế mới sẽ được áp dụng kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2021.
20	G/SPS/N/EU/396/ Add.1	Liên minh Châu Âu	27/4/2021	Mức dư lượng tối đa đối với fluxapyroxad, hymexazol, metamitron, penflufen và spirotetramat trong hoặc trên	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/396 (ngày 15 tháng 7 năm 2020) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) N ° 2021/644 ngày 15 tháng 4 năm 2021 nhằm sửa đổi Phụ lục

				<p>một số sản phẩm nhất định</p> <p>II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với fluxapyroxad, hymexazol, metamitron, penflufen và spirotetramat có trong hoặc trên các sản phẩm nhất định.</p> <p>Quy chế mới sẽ được áp dụng kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021.</p>
--	--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập website của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), địa chỉ: <https://docs.wto.org>